

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO
NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 54 /QĐ-TECS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Bảng giá dịch vụ xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 144/TECS/TTr-HCNS ngày 15/5/2026 về việc điều chỉnh Bảng giá dịch vụ xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh;

Căn cứ tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng giá dịch vụ xử lý hàng hóa chuyển phát nhanh” theo chi tiết đính kèm.

Điều 2 Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18/05/2026 và thay thế cho Quyết định số 93/QĐ-TECS ngày 30/06/2025.

Điều 3 Phòng Tài chính kế toán, Phòng Khai thác hàng hóa và các Phòng, Đội, Bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban TGD;
- Như điều 3;
- Các Cty CPN tại kho TECS;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Hòa Bình



BẢNG GIÁ DỊCH VỤ XỬ LÝ HÀNG HOÁ CHUYỂN PHÁT NHANH

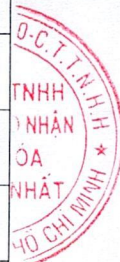
(Ban hành cùng Quyết định số 54 /QĐ-TECS ngày 15 / 5 /2026)

Phần I: Nguyên tắc

STT	MỤC	NỘI DUNG
1	Phạm vi áp dụng	- Bảng giá này áp dụng cho các dịch vụ xử lý hàng hoá chuyển phát nhanh Xuất khẩu, Nhập khẩu và Chuyển tiếp (nếu có) của các Đại lý CPN vận chuyển qua đường hàng không tại kho hàng TECS. - Bảng giá này không bao gồm giá các dịch vụ phục vụ hàng hoá cho Hãng Hàng không và các loại phí phải nộp cho Nhà chức trách sân bay.
2	Cơ sở tính phí	- Khối lượng hoặc số lượng hàng hoá sử dụng dịch vụ. - Đơn giá và giá tối thiểu theo quy định. - Yêu cầu dịch vụ: Các loại hàng hoá khác nhau có yêu cầu dịch vụ xử lý hàng hoá khác nhau. Tùy theo loại hàng hoá, hàng hoá sẽ được xử lý và tính phí theo dịch vụ tương ứng với loại hàng hoá đó. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên xác định yêu cầu dịch vụ áp dụng như sau: 1) Theo quy định về phục vụ hàng hoá của IATA và hướng dẫn của các Hãng hàng không. 2) Theo mặt bằng giá chung của các Công ty phục vụ hàng hóa (VD: TCS, SCSC,...). 3) Theo yêu cầu của Đại lý CPN hoặc khách hàng của Đại lý.
3	Đơn vị tính	- AWB (Air waybill): Vận đơn hàng không gồm các loại sau: + MAWB: Vận đơn hàng không chính - Master AWB. + HAWB: Vận đơn hàng không thứ cấp - House AWB. + Chứng từ hàng bưu điện. - CW (Chargeable Weight) là kết quả khi so sánh giữa Gross Weight và Volume Weight. Số nào lớn hơn sẽ tính là Chargeable weight (CW) để xác định trọng lượng tính cước, trong đó: + GW (Gross Weight): Trọng lượng thực tế - là trọng lượng cân nặng thực tế của cả hàng hóa và cả của trọng lượng bao bì hàng hóa sau khi đã đóng gói. + VW (Volume Weight): Trọng lượng thể tích - là trọng lượng theo kích thước các thùng hàng, được tính theo công thức: $\text{Volume Weight} = \frac{\text{Kích thước kiện (Dài x Rộng x Cao) (cm)}}{6000}.$ - "Giờ": Tính trong 01 giờ phục vụ. Dịch vụ cung cấp ≤ 60 phút tính giá 01 giờ phục vụ. - "Kiện": thùng, hộp,... được chất xếp chung trong một hay nhiều lô hàng. - "Lần": Một lần phục vụ/cung cấp dịch vụ. - "Lô": Là toàn bộ số lượng hàng hóa có cùng số AWB.
4	Thuế và lệ phí	Các mức giá trong bảng giá chưa bao gồm thuế và lệ phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Phần II: Bảng giá

STT	DỊCH VỤ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	Lao vụ phí		
a	Hàng xuất		
	Giá tối thiểu	Lần	103.950
	Giá áp dụng	kg (CW)	1.899
b	Hàng nhập		
	Giá tối thiểu	Lần	300.000
	Giá áp dụng	kg (CW)	5.400
2	Phụ thu giá lao vụ ngoài giờ, Chủ nhật, ngày Lễ		
	Phí phục vụ tối thiểu	Lần	78.750
	Từ 00:00 đến 23:59 các ngày CN, Lễ, Tết, ngày nghỉ bù cho ngày Lễ, Tết theo quy định của Nhà nước	Phụ phí của giá hoặc giá tối thiểu	27%
	Từ 22:00 đến 05:59 sáng hôm sau các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy (giờ đêm)	Phụ phí của giá hoặc giá tối thiểu	18%
	Từ 17:00 đến 21:59 từ thứ Hai đến thứ Bảy (ngoài giờ hành chính)	Phụ phí của giá hoặc giá tối thiểu	9%
3	Phụ thu phí kiểm tra kiện hàng 6 mặt (áp dụng cho hàng xuất CPN)		
	Phụ thu phí kiểm tra kiện hàng 6 mặt theo yêu cầu của Hãng bay	Phụ phí của giá hoặc giá tối thiểu	20%
4	Phụ thu giá lao vụ đối với hàng CPN XUẤT KHẨU sát giờ bay		
	Giá phục vụ tối thiểu	Lần	315.000
	Tiếp nhận từ 2h đến 2h30' trước giờ khởi hành theo lịch bay	kg (CW)	2.940
	Tiếp nhận từ 1h30' đến 1h59' trước giờ khởi hành theo lịch bay	kg (CW)	3.203
	Tiếp nhận từ 1h đến 1h29' trước giờ khởi hành theo lịch bay	kg (CW)	3.465
5	Lao vụ phí đối với hàng CPN đặc biệt		
a	Phục vụ hàng nặng, hàng quá khổ (sử dụng thiết bị hỗ trợ)		
	Giá áp dụng Hàng xuất	kg (GW)	7.500
	Giá áp dụng Hàng nhập	kg (GW)	7.500
b	Phục vụ hàng nguy hiểm		
	Giá tối thiểu	Lần	300.000
	Giá áp dụng Hàng Xuất	kg (CW)	3.500
	Giá áp dụng Hàng Nhập	kg (CW)	7.536
6	Dịch vụ Lưu kho hàng (Ngoài phạm vi kho của Đại lý)		
a	Hàng nhập		
	Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ ba	kg (CW)/ ngày	1.330
	Từ ngày thứ 4 trở đi	kg (CW)/ ngày	1.450
	Giá lưu kho tối thiểu	Lần	157.500
b	Hàng xuất		
	Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ ba	kg (CW)/ ngày	1.330
	Từ ngày thứ 4 trở đi	kg (CW)/ ngày	1.450
	Giá lưu kho tối thiểu	Lần	157.500



Handwritten signature and initials.

STT	DỊCH VỤ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
7	Các dịch vụ khác (Áp dụng cho hàng CPN)		
a	Dẫn nhãn lô hàng		
	Giá tối thiểu	Lô	84.000
	Giá áp dụng	Kiện	3.165
b	Phục vụ hàng chất xếp loại (reload)	kg (CW)	1.899
c	Dịch vụ sang chuyển hàng nhiều lần (sau máy soi, theo yêu cầu của Đại lý)	kg (CW)	1.899
d	Dịch vụ cho thuê xe (giá 1 giờ đầu tiên)		
	Xe nâng (forklift) tải trọng 2 tấn	Giờ	1.050.000
	Xe đầu kéo	Giờ	2.625.000
	Giá cho mỗi 30 phút tiếp	0.5 giờ	25% giá giờ đầu
e	Dịch vụ cân lại lô hàng	Kg (GW)	420
f	Cung cấp video an ninh	Lần	2.000.000
g	Dịch vụ kiểm tra hàng Pin section II (ELM, ELI)	Lô	210.000
h	Dịch vụ kiểm tra hàng chứa đá khô (ICE)	Lô	210.000
i	Dịch vụ kiểm tra lô hàng mẫu sinh phẩm UN3373	Lô	210.000

Ghi chú:

- (*) Số UN được định ra bởi Ủy ban Chuyên gia Liên Hợp Quốc về Vận chuyển Hàng hoá Nguy hiểm. Mỗi thùng UN đều có số UN là những con số có bốn chữ số xác định các chất độc hại, các sản phẩm (như chất nổ, chất lỏng dễ cháy, chất độc hại,...) trong khuôn khổ của vận tải quốc tế.
- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành của Nhà nước.